TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/LĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
"V/v Tranh chấp về đòi tiền lương"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLST-LĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp về đòi tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1969;

Địa chỉ: KV, thị trấn H, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần HH;**

Địa chỉ: KV, thị trấn H, huyện N, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Kumar Arunachalam Mohan** – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2018, quá trình giải quyết, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông vào làm việc tại Công ty cổ phần HH (viết tắt là Công ty) từ năm 1990 đến tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và ông đều có ký hợp đồng lao động, với công việc là công nhân vận hành cẩu mía. Quá trình làm việc tại Công ty, ông đã được trả tiền lương đầy đủ, thế nhưng đến tháng 01 năm

2016, Công ty chỉ trả được 01 phần lương tháng 01 và tháng 02 năm 2016 và từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017 Công ty không trả lương cho ông. Công ty HH ngưng hoạt động nhưng không chính thức thông báo và cũng không chấm dứt hợp đồng lao động để giải quyết chế độ cho ông theo quy định của Bộ luật lao động.

Ông yêu cầu Công ty HH thanh toán cho ông các khoản tiền lương còn nợ như sau:

- Tháng 01 năm 2016 là: 6.500.000 đồng.

- Tháng 02 năm 2016 là: 6.500.000 đồng.

- Tiền lương ngừng việc từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017, tổng cộng là 12 tháng x mức lương yêu cầu là 6.500.000 đồng/tháng = 78.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền lương mà ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần HH trả cho ông là: 6.500.000 đồng + 6.500.000 đồng + 78.000.000 đồng = 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể như sau: Do không có chứng cứ chứng minh cho mức lương ông thực nhận mỗi tháng là 6.500.000 đồng mỗi tháng cho vị trí công việc của ông, nên ông yêu cầu nhận mức lương mỗi tháng của ông là 2.700.000 đồng thấp hơn so với mức lương Công ty đóng bảo hiểm cho ông là 3.317.000 đồng. Ông yêu cầu tiền lương tháng 01 và tháng 02 năm 2016 và từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017, tổng cộng là 14 tháng x mức lương 3.700.000 đồng = 37.800.000 đồng

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là Công ty cổ phần HH đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D yêu cầu trả số tiền nợ lương mà Công ty chưa thanh toán, nhưng Công ty vẫn không có văn bản ý kiến trình bày hay phản đối gì đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chứng cứ của bị đơn: Do bị đơn luôn vắng mặt nên không xuất trình chứng cứ, đồng thời Tòa án không tiến hành hoà giải được cũng như không thực hiện được quyền tranh luận tại phiên tòa để chứng minh cho quyền lợi của mình là lỗi của bị đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, trên có sở yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nó không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu; Buộc Công ty trả cho ông D tiền lương tháng 01 và tháng 02 năm 2016, tiền lương từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017 như ông D yêu cầu, với số tiền tổng cộng là 37.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần HH phải trả tiền lương còn nợ. Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về đòi tiền lương", Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo văn bản số 37/SKHĐT-ĐKKD ngày 25/3/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An xác nhận Công ty cổ phần HH có trụ sở tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Long An và đang trong tình trạng hoạt động nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về điều kiện khởi kiện: ông Nguyễn Văn D khởi kiện "Tranh chấp về tiền lương" đối với Công ty cổ phần HH, về tranh chấp tiền lương đã thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện ra Tòa án thể hiện qua biên bản làm việc hòa giải tranh chấp lao động của công nhân Công ty cổ phần HH số 51/BB-HGTCLĐ ngày 28/01/2019 của Phòng lao động, thương binh và xã hội huyện Đức Hòa tiến hành nhưng không hòa giải được do đại diện Công ty cổ phần HH vắng mặt là thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 201 của Bộ luật lao động và Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông Nguyễn Văn D khởi kiện tại Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục khởi kiện theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ông D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông D chỉ yêu cầu tính tiền nợ lương tháng 01 và tháng 02 năm 2016, từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2016, với mức lương là 2.700.000 đồng x 14 tháng, tổng cộng là 37.800.000 đồng (so với yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu tính tiền nợ lương tháng 01 và tháng 02 năm 2016, từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2016, với mức lương là 6.500.000 đồng x 14 tháng, tổng cộng là 91.000.000 đồng). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông D là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[6.1] Về quan hệ lao động: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thống nhất xác định: Căn cứ vào Quyết định số 90/HH.TCLĐ.QĐ ngày 13/3/2000 về việc ký kết hợp đồng lao động có thời gian 12 tháng và Công văn số 1335/BHXH-QLT ngày 28/6/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An kèm theo Bảng kê quá trình, mức

đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động khiếu kiện Công ty tính đến tháng 7 năm 2017 thì xác định giữa Công ty cổ phần HH với ông D có xác lập quan hệ lao động. Quá trình thực hiện hợp đồng lao động, người lao động là ông D đã thực hiện đầy đủ nội dung và yêu cầu công việc theo hợp đồng lao động đã ký kết. Đến thời điểm khởi kiện, Công ty ngưng hoạt động nhưng không chính thức thông báo và cũng không chấm dứt hợp đồng lao động để giải quyết chế độ cho ông D theo quy định của Bộ luật lao động

[6.2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và cũng không phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên cơ sở trình bày của nguyên đơn, những chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[6.3] Đối với tiền lương còn nợ một phần trong tháng 01, tiền lương 02 năm 2016: Công ty chưa thanh toán 01 phần tiền lương tháng 01, tiền lương tháng 02 năm 2016 còn nợ trên sự thừa nhận của ông D là vi phạm nguyên tắc trả lương theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật lao động, nên buộc Công ty có trách nhiệm trả cho ông D 01 phần tiền lương tháng 01 năm 2016 còn nợ là 2.700.000 đồng, tiền lương tháng 2 năm 2016 còn nợ là 2.700.000 đồng. Tổng cộng là 5.400.000 đồng.

[6.4] Đối với yêu cầu trả tiền lương từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017: Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D xác định Công ty ngưng hoạt động từ tháng 7 năm 2016. Hội đồng xét xử thấy rằng, nếu Công ty có khăn về kinh tế không thể tiếp tục hoạt động thì có quyền tạm ngừng kinh doanh, tạm ngưng hoạt động theo quy định tại Điều 200 của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều 57 của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ và phải hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký kết với người lao động nhưng Công ty không thực hiện theo các quy định nêu trên, không thông báo hay niêm yết bằng văn bản cho ông D biết việc ngừng hoạt động của Công ty là lỗi của Công ty nên xem như thời gian này ông D đang ngừng làm việc và Công ty phải có trách nhiệm trả lương ngừng việc cho ông D theo quy định tại Điều 98 của Bộ luật lao động. Trong vụ việc này, các bên không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có thỏa thuận khác liên quan đến việc thay đổi cách thức trả lương trong thời gian Công ty tạm ngừng kinh doanh, nên Công ty phải trả đủ tiền lương cho ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 98 của Bộ luật lao động. Căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản do Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An lập ngày 14/7/2017 thì xác định Công ty chính thức ngưng hoạt động kể từ ngày 14/7/2017, nên ông D yêu cầu tính lương ngừng việc từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017 là có căn cứ. Xét mức lương mà ông D yêu cầu tính từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2017 với mức lươngvới mỗi tháng là 2.700.000 đồng là thấp

hơn mức lương dùng để tính đóng các khoản bảo hiểm xã hội (mức lương của ông D để tính đóng bảo hiểm xã hội là 3.317.000 đồng) theo Bảng kê quá trình, mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của người lao động khiếu kiện Công ty kèm theo Công văn số 1335/BHXH-QLT ngày 28/6/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An, thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định áp dụng tại địa bàn huyện Đức Hòa, tỉnh Long An năm 2016 là 3.100.000 đồng theo Nghị định số 122/2015/NĐ-CP ngày 14/11/2015, năm 2017 là 3.320.000 đồng theo Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 là đã có lợi cho Công ty, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, nên buộc Công ty phải trả cho ông D tiền lương từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017 là 12 tháng x 2.700.000 đồng/tháng = 32.400.000 đồng.

[7] Từ [6.3] + [6.4], Tổng cộng số tiền mà Công ty cổ phần HH có trách nhiệm trả cho ông D là 5.400.000 đồng + 32.400.000 đồng = 37.800.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn là Công ty cổ phần HH phải chịu 1.134.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nêu trên, nên không hoàn lại án phí cho ông D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 178, Điều 179, Điều 277, Điều 228, Điều 244, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48, Điều 96, Điều 98 của Bộ luật lao động; Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với Công ty cổ phần HH về việc "Tranh chấp về đòi tiền lương"; Buộc Công ty cổ phần HH trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền tổng cộng là 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng). (Trong đó, tiền lương tháng 01 và 02 năm 2016, tổng cộng là 5.400.000 đồng và tiền lương từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017 là 32.400.000 đồng).

2. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần HH phải chịu 1.134.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương